TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 136/2024/QĐST-HNGĐ	*Tháp Mười, ngày 17 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 197/2024/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh Mai Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú và nơi ở hiện tại: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi ở hiện tại: Ấp 1, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Mai Văn T và chị Lê Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Văn T và chị Lê Thị L tự nguyện ly hôn.

2.2. Về quan hệ nuôi con:

Giao con chung tên Mai Thị M, sinh ngày 25/9/2009 và Mai Thế Vinh, sinh ngày 21/12/2011 cho chị Lê Thị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện các con chung đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng). Anh T không phải đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung do chị L không có yêu cầu.

Chị Lê Thị L và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Mai Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Anh Mai Văn T là người không trực tiếp nuôi hai con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con của chị Lê Thị L.

2.3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về quan hệ nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh Mai Văn T tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình là 150.000 đồng (Một trăm, năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005636, ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Anh T còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm, năm mươi nghìn đồng).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười; (GCNKH số 61 ngày 05/8/2010);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Linh), VP.

THẨM PHÁN

Trần Văn Kiến